

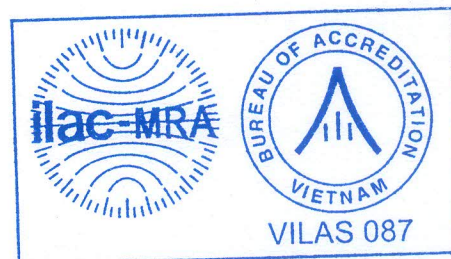


BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

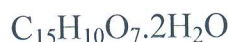
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
Certificate of Analysis



CHUẨN ĐỐI CHIẾU THỨ CẤP
Secondary Reference Substance

QUERCETIN



SKS: E0319322.03

I. **Mục đích sử dụng:** Chuẩn đối chiếu thứ cấp Quercetin SKS: E0319322.03 được sử dụng cho các phép thử định tính và định lượng bằng phương pháp phân tích hóa lý.

Intended use: The Secondary Reference Substance for Quercetin Control No. E0316322.03 is intended to be used in physicochemical analysis for assay and identifications.

II. **Mô tả:** Bột màu vàng ánh xanh.

Description: A green-yellow powder.

III. **Kết quả phân tích:** Tiến hành song song với chuẩn Quercetin USPRS Lot. R035P0 có hàm lượng 99,5 % $C_{15}H_{10}O_7$, tính theo chất khan.

Analytical data: The Quercetin USPRS Lot. R035P0 was used as Standard and regarded as 99.5 % $C_{15}H_{10}O_7$, calculated on the anhydrous basis.

1. Định tính (*Identifications*)

a. Phổ hồng ngoại (*Infrared absorption*) : Phù hợp với phổ hồng ngoại của Quercetin chuẩn.
Concordant with infrared absorption spectrum of Quercetin RS.

b. UV – VIS : Đúng
Conformed

c. HPLC : Thời gian lưu của pic chính trên sắc ký đồ của dung dịch thử giống với thời gian lưu của pic chính trên sắc ký đồ của dung dịch chuẩn.
The retention time of the major peak of the Sample solution corresponds to that of the Standard solution.

2. Nước (KF) : 8,44 %
Water

3. Tạp chất liên quan (HPLC) : Kaempferol: 1,56 %
Related substances Isorhamnetin: 1,98 %
Tạp khác (*Unknown impurity*) ≤ 0,05 %
Tổng tạp (*Total impurities*): 3,62 %

4. Định lượng (HPLC)
Assay

: 86,0 % $C_{15}H_{10}O_7$, tính theo nguyên trạng
Độ không đảm bảo đo mở rộng $U = \pm 0,3 \%$ với hệ số phủ $k = 2$ ở độ tin cậy 95 %.
86.0 % $C_{15}H_{10}O_7$, calculated on the "as is" basis.
Expanded uncertainty of the certified value $U = \pm 0.3 \%$ using a coverage factor $k = 2$ at level of confidence approximately 95 %.

IV. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng
Direction for use: Do not dry before use

V. Bảo quản: Nhiệt độ từ 2 – 8 °C, tránh ánh sáng.

Storage: Keep container protected from light, preferably at the temperature from 2-8 °C.

Date of adoption
18th September 2019

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2019

VIỆN TRƯỞNG

Director



Nguyễn Đăng Lâm

Kiểm tra định kỳ (Retest year)		
Đã kiểm tra (năm) <i>Last retest</i>	Kiểm tra lần sau (năm) <i>Next retest</i>	Phụ trách khoa (ký) <i>Signature</i>
	2020	<i>W</i>
2020	2022	<i>Gubg</i>

